

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 35/2018/DSST-ST

Ngày: 19-7-2018

“V/v Kiện đòi tài sản ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/TLST- DS ngày 17/4/2018 về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Đ – Sinh năm: 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Luật sư Phạm Hàn L – Văn phòng Luật sư Hàn L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Mộng T – Sinh năm: 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Y S Êban, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Đ trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết với bà T nên bà T có nói với bà Đ là bà T có người quen có thể xin việc cho con trai bà Đ vào làm công an. Bà T giới thiệu ông Y S Êban cho bà Đ và nói với bà Đ là ông Y S Êban có chú làm công an và nói bà Đ đưa tiền cho ông Y S Êban để xin việc. Cụ thể như sau:

Ngày 09/11/2014, bà Đ có đưa cho ông Y S Êban số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), có viết giấy nhận tiền, số tiền này là để xin việc cho con trai của bà Đ.

Ngày 08/02/2015, bà Đ có đưa tiền cho ông Y S Êban số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), có viết giấy nhận tiền, số tiền này là để xin việc cho con trai của bà Đ.

Sau khi nhận tiền của bà Đ, ông Y S Êban đã đưa toàn bộ số tiền đã nhận cho bà T, và yêu cầu bà T viết giấy nhận tiền cho bà Đ, với nội dung như sau: Ngày 09/11/2014, bà Hoàng Thị Mộng T có nhận của bà Đ số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), hẹn đến tháng 5/2015, nếu không có việc làm thì bà T sẽ chịu trách nhiệm. Ngày 08/02/2015, bà Hoàng Thị Mộng T có nhận của bà Đ số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng số tiền đã nhận là 95.000.000 đồng. Còn giấy nhận tiền mà ông Y S Êban viết cho bà Đ, bà Đ đã xé bỏ sau khi bà T nhận tiền và viết giấy nhận tiền.

Nhưng sau khi nhận tiền của bà Đ, bà T không xin được việc cho con bà Đ, bà Đ đã nhiều lần đến đòi số tiền bà Đ đã đưa cho bà T nhưng bà T không trả. Sau đó bà Đ biết được việc bà T nói có thể xin được việc là không đúng với thực tế và lừa dối bà Đ vì bà T không thể xin được việc cho con bà. Nhưng bà Đ không muốn đưa vụ việc đến Cơ quan công an để giải quyết mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị Mộng T phải trả cho bà số tiền đã vay là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng). Bà Đ không yêu cầu khởi kiện gì với ông Y S Êban vì số tiền 95.000.000 đồng bà T đã nhận của bà và đã viết giấy nhận tiền cho bà, chứ không liên quan gì đến ông Y S Êban.

*** Bị đơn bà Hoàng Thị Mộng T trình bày:**

Tôi thừa nhận lời trình bày của bà Trịnh Thị Đ về số tiền tôi đã nhận và về thời gian nhận tiền là đúng.

Tôi có quan hệ quen biết với bà Trịnh Thị Đ và ông Y S Êban. Tôi biết được gia đình ông Y S Êban có người làm trong ngành công an nên đã nói với bà T là có người quen có thể xin được việc.

Ngày 09/11/2014, bà Đ có đưa cho ông Y S Êban số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Ngày 08/02/2015, bà Đ có đưa cho ông Y S Êban số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền là 95.000.000 đồng, số tiền này để xin việc cho con trai của bà Đ. Sau đó ông Y S Êban đã đưa toàn bộ số tiền 95.000.000 đồng cho tôi, và tôi đã viết giấy nhận tiền cho bà Đ, với nội dung:

Ngày 09/11/2014, tôi có nhận của bà Đ số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Hẹn đến tháng 5/2015, nếu không có việc thì tôi sẽ chịu trách nhiệm.

Ngày 08/02/2015, tôi có nhận của bà Đ số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng số tiền đã nhận là 95.000.000 đồng. Trong vòng tháng 5 là có quyết định đi làm nếu không có việc thì tôi sẽ chịu trách nhiệm.

Sau khi nhận số tiền trên, tôi đã tiêu xài cá nhân hết chứ không đi xin việc cho con trai của bà Đ. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền 95.000.000 đồng thì tôi đồng ý trả cho bà Đ nhưng do hiện nay kinh tế gia đình khó khăn, tôi là thu nhập chính trong nhà nên tôi không thể trả một lúc cho bà Đ được, tôi xin trả dần hàng tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Y S Êban khai: Vào khoảng năm 2014 bà Hoàng Thị Mộng T có chữa bệnh cho cháu của tôi nên tôi có quen biết bà T. Bà T đã vào nhà tôi 2 đến 3 lần nhờ tôi nhận hồ sơ xin việc và nhờ tôi nói với bà Đ có người quen trong ngành Công an nên xin được việc cho con bà Đ. Vào ngày 9/11/2014 tôi có nhận của bà Trịnh Thị Đ số tiền 45.000.000 đồng và có viết giấy nhận tiền. Đến ngày 8 tháng 02 năm 2014 tôi tiếp tục nhận của cô Đ số tiền 50.000.000 đồng và có viết giấy nhận tiền. Mỗi lần tôi nhận tiền thì bà T đều nói tôi nhận giúp bà T, rồi sau đó bà T quay lại lấy số tiền đó. Sau đó tôi có đi tìm bà T để lấy lại số tiền 95.000.000 đồng mà tôi đã nhận của bà Đ để trả lại cho bà Đ vì không xin việc cho con bà Đ. Lúc này bà T đã viết giấy nhận số tiền 95.000.000 đồng của bà Đ nên tôi đã xé bỏ giấy nhận tiền mà tôi viết nhận tiền của bà Đ. Vì tôi đã đưa toàn bộ số tiền 95.000.000 đồng cho bà T, nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền 95.000.000 đồng thì bà T phải có trách nhiệm trả cho bà Đ tôi không liên quan gì nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Phạm Hàn L trình bày: Bà T thừa nhận có nhận của bà Đ số tiền 95.000.000 đồng để xin việc cho con trai bà Đ nhưng bà T không xin việc. Số tiền 95.000.000 đồng bà Đ đưa cho bà T là một số tiền quá lớn, bà Đ nhiều lần đòi tiền bà T nhưng bà T không trả nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T phải trả cho bà Đ số tiền 95.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:** Đây là vụ án kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về tố tụng:** Ông Y S Êban đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng ông Y S Êban không đến Tòa án tham gia tố tụng, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Y S Êban là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] **Về nội dung:** Qua các giấy nhận tiền được xác lập vào các ngày 09/11/2014 và ngày 08/02/2015 có chữ ký mang tên Hoàng Thị Mộng T và đồng

thời tại các bản tự khai bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Y S Êban cũng đều thừa nhận ngày 09/11/2014 có nhận của bà Trịnh Thị Đ số tiền 45.000.000 đồng, ngày 08/02/2015 có nhận của bà Đ số tiền là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 95.000.000 đồng để xin việc làm cho con trai bà Đ. Số tiền này là Y S Êban nhận giùm cho bà T và đã bàn giao số tiền 95.000.000 đồng cho bà T.

Tại phiên tòa bà T thừa nhận có nhận của bà Đ số tiền 95.000.000 đồng để xin việc cho con trai bà Đ và cam kết trong vòng 5 tháng kể từ ngày nhận tiền con trai bà Đ sẽ có việc làm. Nhưng thực tế bà T không thực hiện xin việc làm cho con trai bà Đ mà sử dụng số tiền trên để tiêu xài cá nhân, sau đó không có tiền trả cho bà Đ. Nay bà Đ đã khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại số tiền 95.000.000 đồng thì bà T đồng ý trả lại số tiền 95.000.000 đồng nhưng xin trả dần. Tuy nhiên bà Đ không chấp nhận cho bị đơn bà T trả dần.

Mặc dù bà T không có khả năng xin việc cho con bà Đ nhưng bà T đã lừa dối bà Đ nhằm mục đích chiếm đoạt của bà Đ số tiền 95.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau đó nhiều lần bà Đ yêu cầu bà T trả lại số tiền 95.000.000 đồng nhưng bà T vẫn không chịu trả. Hành vi của bà T có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng bà Đ không yêu cầu xử lý hình sự đối với bà T mà chỉ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử; xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Đ là có cơ sở. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Mộng T phải trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị Đ số tiền 95.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Trịnh Thị Đ được chấp nhận nên bà Đ không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột

Bà Hoàng Thị Mộng T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 163 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Đ. Buộc bà Hoàng Thị Mộng T có nghĩa vụ phải trả cho bà Trịnh Thị Đ số tiền 95.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

* **Về án phí:** Buộc bà Hoàng Thị Mộng T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 4.750.000đồng

Bà Trịnh Thị Đ không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và được nhận lại 2.375.000đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2007/0003567 ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh,
- VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh,
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ My